TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày: 07-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Hoàng Anh

Ông Nguyễn Hoàng Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 219/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Tổ 2, phường GB, quận LB, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức T2, sinh năm 1969 và con bà Nguyễn Thi L, sinh năm 1969; Có chồng tên Phùng Đức V, sinh năm 1987 đã ly hôn năm 2021, có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh ngày 05/10/2021; Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/8/2021"*Có mặt".*

* Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH H (Sau đây gọi tắt là Công ty H), địa chỉ trụ sở chính: Số 39 PDP, QT, BĐ, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai PA, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn

Q, sinh năm 1986, chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ của Công ty, nơi cư trú: Tổ 3, cụm 1, XL, TH, Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền ngày 22/4/2021). "Có mặt".

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ 2 phường Giang Biên, LB, Hà Nội. "Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2020, T và Công ty TNHH H do chị Mai PA - Sinh: 1969, trú tại; số 67 TT, TQ, DD, Hà Nội (Tổng giám đốc ủy quyền cho ông Nguyễn Đỗ Q2) ký hợp đồng thỏa thuận thử việc số MK02/TTTV-HA, T làm nhân viên tư vấn cho Công ty TNHH H, địa điểm làm việc tại Trung tâm thương mại SM LB trong thời hạn 01 tháng từ ngày 11/6/2020 đến ngày 11/7/2020. Đến ngày 11/7/2020, T và Công ty TNHH H ký hợp đồng thỏa thuận cộng tác viên số 201102/TTCTV-HA, T làm nhân viên bán hàng cho Công ty TNHH H, địa điểm làm việc tại Trung tâm thương mại SM LB, thời hạn 12 tháng từ 11/7/2020 đến ngày 11/7/2021. Đến ngày 13/11/2020, Công ty TNHH H ra Quyết định bổ nhiệm nhân sự số 201113/2020/QĐ-HA, T giữ chức vụ Cửa hàng trưởng cửa hàng P tại địa chỉ: số L2/28 Trung tâm thương mại VOP Gia Lâm, Hà Nội kể từ ngày 20/11/2020. Theo quy định của Công ty TNHH H, Nguyễn Thị Minh T với chức vụ là Cửa hàng trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý, thu, nộp tiền bán hàng về công ty theo quy định: Tiền bán hàng trong ngày phải nộp trước 12 giờ 00 ngày hôm sau; tiền bán hàng ngày thứ bảy và chủ nhật phải nộp trước 12 giờ 00 ngày thứ hai của tuần kế tiếp.

Tại cửa hàng, có các nhân viên bán hàng là Vũ Thị H1 - Sinh: 1996, trú tại: thôn CĐ, LC, Gia Lâm, Hà Nội; Nguyễn Thu P1 - Sinh: 1996, trú tại: TL, HL, TH, Mạc Thị D1 - Sinh: 1991, trú tại: Đội 10, TT, ĐT, Gia Lâm, Hà Nội; Hoàng Thị H1 - Sinh: 2001, trú tại: LC, TH, VY, YB và Vương Thị Th1 - Sinh: 1995, trú tại: Phòng 2203, tòa S2-** khu đô thị VOP, Gia Lâm, Hà Nội có nhiệm vụ bán hàng, phục vụ khách hàng và làm việc ở phía bên ngoài, không được vào quầy thu ngân và khu vực quản lý tiền bán hàng. Hai nhân viên thu ngân là Nguyễn Thị L1 - Sinh: 1990, trú tại: Tổ 1, CK, LB, Hà Nội và Trần Tuấn Đ1 - Sinh: 2000, trú tại: 201 B**, tổ 26, phường ĐG, LB, Hà Nội làm việc tại quầy thu ngân thay ca nhau mỗi người một ca (ca một từ 9 giờ sáng đến 17 giờ; ca hai từ 14 giờ đến 20 giờ hàng ngày) có nhiệm vụ: Khi khách hàng mua hàng thì lập hóa đơn, thu tiền của khách hàng, trả tiền cho khách hàng, lưu hóa đơn tại cửa hàng, tổng hợp số tiền bán hàng từ bảng kê trên máy tính vào cuối ca làm việc chuyển lại cho Nguyễn Thị Minh T để T quản lý, nộp tiền về công ty. Trong thời gian từ ngày 20/10/2020 T được bổ

nhiệm cửa hàng trưởng đến ngày 14/3/2021, số tiền mặt thu được tại cửa hàng tháng 12/2020 là 292.872.319 đồng, tháng 01/2021 số tiền bán hàng được là 173.052.300 đồng, tháng 02/2021 số tiền bán hàng được là 133.770.800 đồng, tháng 3/2021 (tính đến ngày 14/3/2021) số tiền bán hàng được là 94.306.400 đồng. Tổng số tiền mặt thu được tại cửa hàng là 694.001.819 đồng, T đã nộp về Công ty số tiền 584.410.700 đồng qua 3 số tài khoản ngân hàng gồm: số tài khoản 10187856** Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Đỗ Q2; số tài khoản 00210003354** Ngân hàng Vietcombank mang tên NGUYỄN ĐỖ Q2; số tài khoản 1116031553** Ngân hàng VietinBank mang tên Công ty TNHH H và nộp tiền mặt số tiền 11.000.000 đồng do hai nhân viên kế toán Hoàng Thị Nh - Sinh: 1983, trú tại: Số nhà 12, ngõ 396/7 đường CN, CN2, BTL, Hà Nội và Nguyễn Hồng Th - Sinh: 1986, trú tại: TTO, TT, Hà Nội theo dõi, quản lý; Ngoài ra, số tiền T chi mua hợp lý khác tại cửa hàng được Công ty chấp nhận là 2.522.900 đồng. Đối với số tiền còn lại 107.068.219 đồng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao quản lý thu nộp tiền, T đã thực hiện hành vi tham ô chiếm đoạt số tiền trên của Công ty TNHH H để tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi người đại diện hợp pháp của Công ty H có đơn tố cáo gửi đến cơ quan công an, T và gia đình đã bồi thường đầy đủ 107. 068.219 đồng cho Công ty H . Đến nay công ty không còn yêu cầu gì khác về dân sự đối với bị cáo và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 222/CT-VKSGL ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố bị cáo Nguyễn Thi Minh T về tội "Tham ô tài sản" theo điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại cơ quan điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt vì để sớm về nuôi con và làm lại từ đầu, vì con bị cáo còn quá nhỏ mới hơn 3 tháng tuổi. Chỉ vì kém hiểu biết nên bị cáo đã vi phạm pháp luật.

Công ty H tại phiên tòa cam kết về dân sự bị cáo T đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho công ty, đến nay công ty không còn yêu cầu gì khác về dân sự đối với bị cáo và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm giữ nguyên quyền công tố luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 khoản 6 Điều 353, điểm s, b, n khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của BLHS, xử phạt bị cáo T từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự không. Về

vật chứng: Trả lại anh Phạm Văn Q là người địa diện theo ủy quyền của của Công ty TNHH H số tiền 90.000.000 đồng mà bị cáo T khắc phục đang giữ tại Chi cục THADS huyện Gia Lâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xét bị cáo T được Công ty H bổ nhiệm là Cửa hàng trưởng cửa hàng P địa chỉ tại số L2/28 Trung tâm thương mại VOP Gia Lâm, Hà Nội. Quyết định đã được giám định chữ ký và con dấu và được chính người đại diện hợp pháp của Công ty H thừa nhận là Quyết định hợp pháp của Công ty H , nên đủ cơ sở kết luận T là người giữ chức vụ cửa hàng trưởng tại cửa hàng P, có trách nhiệm quản lý tiền của cửa hàng sau khi thu ngân thu về để có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền bán hàng tại cửa hàng P về Công ty H qua hình thức tài khoản hoặc qua kế toán theo đúng quy định của công ty là chuyển tiền trước 12 giờ của ngày hôm sau đối với khoản tiền thu ngày hôm trước, đối với ngày thứ 7, chủ nhật thì thu trước 12 giờ của ngày thứ 2 liền kề. Nhưng trong các tháng 1, 2 và 3/2021 T đã không chuyển 107.068.219 đồng là tiền của cửa hàng P bán được về cho Công ty. Công ty và T đã có biên bản thống nhất chậm nhất ngày 30.3.2021 T phải trả công ty đầy đủ số tiền T chưa trả về công ty nhưng T không thực hiện được và ngày 22/4/2021 công ty đã có đơn tố cáo T. Hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 353 của BLHS. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố định khung của điểm d khoản 2 khi tham ô tài sản trị giá từ 100.000.000 đến 500.000.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 107.068.219 đồng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến khách thể là quyền tài sản của tổ chức, với số tiền lớn, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian trong khung hình phạt để giáo dục và răn đe bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường hậu quả, phạm tội khi có thai, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ lần lượt quy định tại điểm s b n khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Do bị cáo có từ 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cho bị cáo được hưởng Điều 54 BLHS

xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật với người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện đã ly hôn, đang có 03 con nhỏ, nghề nghiệp tự do, thu nhập không cao nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo là có căn cứ.

[4]. Về dân sự: Bị cáo T đã thanh toán 107.068.219 đồng cho Công ty, Công ty H không còn bất cứ yêu cầu nào về dân sự với bị cáo, HĐXX không xem xét giải quyết. Ghi nhận bị cáo đã khắc phục hậu quả xong cho Công ty TNHH H là 107.068.219 đồng.

Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ bị cáo T nộp 90.000.000 đồng thay cho bị cáo T, tại phiên tòa bà L không yêu cầu bị cáo T phải trả lại, HĐXX không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[4].Vật chứng: Số tiền gia đình bị cáo T nộp 90.000.000 đồng tại Biên lai số AA/2020/0054875 ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm để khắc phục hậu quả cho Công ty TNHH H, nay trả lại cho Công ty TNHH H là có căn cứ.

[5]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Về dân sự đã giải quyết trước khi xét xử, nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với Vũ Thị H1, Nguyễn Thu P1, Mạc Thị D1, Hoàng Thị H1, Vương Thị Th1 là các nhân viên bán hàng; Nguyễn Thị L1, Trần Tuấn Đ1 là nhân viên thu ngân đều không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên không phải chịu trách nhiệm là có căn cứ.

Đối với Hoàng Thị Nh, Nguyễn Hồng Th là hai nhân viên kế toán theo dõi các cửa hàng, trong đó có cửa hàng P, do việc chuyển tiền của cửa hàng thực hiện qua liên ngân hàng với nhiều hình thức thanh toán tiền, có những khoản tiền thanh toán chuyển về chậm, không liên tục theo từng ngày, nên các nhân viên không phát hiện được T chiếm đoạt tiền, Nh và Th không được T bàn bạc gì, không được hưởng lợi gì nên không đồng phạm với T là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Minh T phạm tội "Tham ô tài sản".

Căn cứ vào điểm d khoản 2 khoản 6 Điều 353; điểm s, b, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, Điều 54, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Minh T 05 năm 6 tháng (Bằng chữ: Năm năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo T đã khắc phục xong số tiền 107.068.219 đồng cho Công ty TNHH H.

Về vật chứng: Trả lại Công ty TNHH H 90.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng) tại Biên lai số AA/2020/0054875 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo T, Công ty TNHH H, bà L có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Công an huyện Gia Lâm;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- L- u hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thiên Hương